

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ THƯƠNG MẠI KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc chuyển Doanh nghiệp - Xí nghiệp In Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2005 về việc điều chỉnh Quyết định 2136/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2006 về việc điều chỉnh Quyết định 2195/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2005;

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Điều lệ này của Công ty cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 3 năm 2006, đã được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II ngày 25 tháng 4 năm 2009, Các Phụ lục của Điều lệ này và các Văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không tách rời của Điều lệ và Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa. Điều lệ này và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với các qui định của pháp luật là các qui định ràng buộc về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Chú thích các thuật ngữ trong Điều lệ

Trong Điều lệ này, trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có qui định khác, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

1. **Pháp luật** là tất cả các văn bản qui phạm pháp luật được các cơ quan lập pháp Nhà nước Việt Nam ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự qui định.
2. **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
3. **Công ty** có nghĩa là Công ty cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa.
4. **Ngày thành lập** là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
5. **Vốn điều lệ** là vốn góp của các cổ đông tại từng thời điểm, được ghi tại Điều lệ và đăng ký với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
6. **Cổ đông** là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào mua cổ phần của Công ty và đăng ký tên trong Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu các cổ phần đó.
7. **Cổ đông sáng lập** là các cổ đông trong danh sách tại Phụ lục I của Điều lệ này, do Đại hội đồng cổ đông thành lập quyết định, và phải hội đủ các điều kiện sau:
 - 7.1. Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 31-3-2006
 - 7.2. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;
 - 7.3. Sở hữu tối thiểu 100 cổ phần phổ thông của Công ty.
8. **Cán bộ quản lý** là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng Quản trị, Giám đốc bổ nhiệm, hoặc thuê.
9. **Người có liên quan** là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 14 Điều 3 của Luật Doanh nghiệp.
10. **Nhà đầu tư chiến lược** là các nhà đầu tư trong nước như: người sản xuất và thường xuyên cung cấp nguyên liệu cho doanh nghiệp; người cam kết tiêu thụ lâu dài sản phẩm của doanh nghiệp; người gắn bó lợi ích chiến lược lâu dài trong kinh doanh, có tiềm năng về tài chính và năng lực quản lý.

Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất kỳ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao

gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có qui định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2: Tên, hình thức thành lập, địa chỉ của Công ty

1. Tên gọi của Công ty:

a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ THƯƠNG MẠI KHÁNH HÒA.

b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

KHANH HOA PRINTING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

c. Tên viết tắt : **COPHITMAK**

d. Biểu tượng của Công ty: Lô gô



2. Hình thức thành lập: Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần; có tư cách pháp nhân độc lập theo pháp luật.

3. Địa chỉ của Công ty:

Trụ sở chính của Công ty:

+ Địa chỉ: Số 08 đường Lê Thánh Tôn, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

+ Điện thoại: (058) 3510284; 3510285; 3510286; 3510287; 3514708; 3511270

+ Fax : (058) 3510285

+ E-mail : inkhanhhoa@gmail.com

+ Website : www.in_tmkanhhoa.com.vn

4. Công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước Việt Nam để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

Điều 3: Thời hạn hoạt động của Công ty

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập. Thời hạn hoạt động

có thể được rút ngắn hoặc gia hạn, do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được cơ quan cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu : Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, nguồn lao động, khả năng quản lý và uy tín của các cổ đông, người lao động để tối đa hóa các nguồn lợi nhuận của Công ty, gia tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- In và các dịch vụ liên quan đến in
- Kinh doanh thương mại
- Dịch vụ khách sạn, nhà hàng

3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác, nếu phù hợp với các qui định của pháp luật hiện hành và đăng ký với cơ quan cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc: tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân thủ pháp luật.

2. Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng Quản trị để giám sát, điều hành hoạt động của Công ty; bầu Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo qui định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm.

5. Công ty có quyền thừa kế, sử dụng, thực hiện những văn bản quy định về quản lý Xí nghiệp in Khánh Hòa. Những quy định chưa phù hợp hoặc thiếu đối với công tác quản lý Công ty, Giám đốc Công ty điều chỉnh bổ sung hoặc ban hành cho phù hợp và đúng với quy định của pháp luật.

Điều 6: Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác

1. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty thừa nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động trong Công ty.

2. Chi phí cần thiết, hợp lý theo qui định của Nhà nước Việt Nam cho hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp, do Tổ chức đó dự trù và Hội đồng Quản trị quyết định. Riêng kinh phí Công đoàn được trích bằng 2% quỹ lương, tiền công phải trả cho người lao động và các khoản phụ cấp lương (nếu có) và giao cho Ban chấp hành công đoàn cơ sở quản lý, sử dụng theo qui định hiện hành.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7: Vốn điều lệ

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 2.050 triệu đồng Việt Nam (Hai ngàn không trăm năm chục triệu đồng).
2. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam.
3. Vốn điều lệ của Công ty phải được góp đủ theo đúng thủ tục và tiến độ đã quy định. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
4. Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, nhưng không trái với qui định của pháp luật.

Điều 8: Cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ trên của Công ty được chia thành 205.000 cổ phần bằng nhau. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng Việt Nam).
2. Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

Điều 9: Cổ phiếu

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của cổ đông góp vốn trong Công ty gọi là cổ phiếu.
2. Mọi cổ phiếu của Công ty phải ghi rõ các thông tin theo quy định tại điều 85 của Luật Doanh nghiệp năm 2005, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty.
3. Bất kỳ cổ đông nào cũng sẽ được cấp miễn phí một hoặc một số cổ phiếu chậm nhất trong vòng 20 ngày, kể từ ngày sở hữu cổ phần của Công ty.
4. Nếu cổ phiếu của cổ đông bị hư hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, hoặc bị tiêu hủy, cổ đông

có quyền yêu cầu Công ty đổi, cấp cổ phiếu mới và phải nộp phí theo quy định của Công ty.

5. Người sở hữu cổ phiếu phải chịu trách nhiệm trong việc bảo quản cổ phiếu. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc cổ phiếu này bị sử dụng vào mục đích lừa đảo.

Điều 10: Chuyển nhượng cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phiếu đều được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật quy định khác.

2. Cổ phiếu của cổ đông sáng lập, trong vòng 03 năm đầu kể từ ngày thành lập công ty, không được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông của Công ty; trường hợp đặc biệt phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông sáng lập có nhu cầu chuyển nhượng không được quyền biểu quyết.

3. Các cổ phiếu của các cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không được cầm cố, thế chấp hoặc chuyển nhượng trong suốt thời gian đương nhiệm và trong vòng 06 tháng kể từ khi thôi giữ các chức vụ đó. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng trước thời hạn qui định trên phải được Hội đồng Quản trị xem xét và chấp thuận bằng văn bản. Hội đồng Quản trị xem xét và quyết định trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đơn. Trường hợp không chấp thuận, Hội đồng Quản trị phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho các bên liên quan.

Việc chuyển nhượng cổ phiếu của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải được ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

4. Việc chuyển nhượng cổ phiếu phải được đăng ký tại trụ sở chính của Công ty.

5. Công ty có thể mua lại cổ phiếu của chính mình bằng bất kỳ cách nào phù hợp với qui định của pháp luật. Cổ phiếu mà Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu ngân quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11: Thừa kế cổ phần

1. Công ty công nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo qui định của pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là tổ chức thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, thì tổ chức mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ và phải gửi cho

Hội đồng Quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc thay đổi đó, kể cả văn bản cử người đại diện.

3. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

4. Trừ khi pháp luật quy định khác, trường hợp không có người thừa kế hợp pháp, cổ phần sẽ được thu hồi và trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

CỔ ĐÔNG

Điều 12: Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông có các quyền tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Cổ đông có các quyền sau đây:
 - a. Được nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần sở hữu;
 - b. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - c. Được cầm cố, thế chấp cổ phiếu để làm bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của mình theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, khi Công ty phát hành thêm cổ phần;
 - đ. Được nhận thông tin tóm tắt về tình hình hoạt động của Công ty. Được kiểm tra các thông tin về bản thân trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin này nếu thấy không chính xác. Được quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có liên quan đến quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật;
 - e. Trong trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động, được chia tài sản nếu còn của Công ty, tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu;
 - g. Được tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc cử đại diện uỷ quyền phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ này;
 - h. Các quyền khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng có quyền:

- a. Đề cử người vào danh sách bầu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu phải được lập thành văn bản, gửi đến Hội đồng Quản trị như qui định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.
- d. Các quyền khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13: Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định và quy chế của Hội đồng Quản trị;
2. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần mà mình sở hữu;
3. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty;
4. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được chấp thuận bởi Đại hội đồng cổ đông và theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
5. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này và Pháp luật quy định.

Điều 14: Ủy quyền và các Đại diện được ủy quyền

1. Đại diện của cổ đông là tổ chức, là đại diện theo pháp luật do Điều lệ của tổ chức đó quy định.
2. Người đại diện theo quy định tại Khoản 1 Điều này, có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi dân sự thực hiện một hoặc tất cả các quyền và nghĩa vụ của cổ đông như qui định tại Điều lệ này. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Công ty và không được ủy quyền tiếp cho người thứ ba.
3. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi dân sự thay mặt mình thực hiện một hoặc tất cả các quyền và nghĩa vụ của cổ đông như qui định tại Điều lệ này. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty và không được ủy quyền tiếp cho người thứ ba.
4. Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi người đại diện và người được ủy quyền, phải được thực hiện bằng văn bản theo các quy định sau:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó và phải qua công chứng Nhà nước.
 - b. Trường hợp cổ đông là tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc ký thay mặt bởi người đại diện được ủy quyền hợp lệ của tổ chức

đó. Trường hợp văn bản ủy quyền của cổ đông được ký thay mặt, thì phải được kèm theo văn bản xác định tư cách hợp pháp của người được ký thay mặt hoặc một bản sao có xác nhận hợp lệ của văn bản này.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 15: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua bằng hình thức Nghị quyết các vấn đề sau đây:
 - a. Báo cáo Tài chính năm.
 - b. Báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán.
 - c. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát.
 - đ. Kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư ngắn và dài hạn của Công ty; kế hoạch hàng năm của Công ty.
 - e. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm.
 - g. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.
 - h. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phần và xử lý cổ phần ngân quỹ.
 - i. Quyết định việc phát hành trái phiếu.
 - k. Quyết định việc thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
 - l. Quyết định việc tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất Công ty, hoặc tham gia liên doanh.
 - m. Quyết định việc chấm dứt hoạt động, giải thể, thanh lý Công ty và quyết định việc thành lập Hội đồng thanh lý Công ty.
 - n. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
 - o. Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.
 - p. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty.
 - q. Ấn định mức thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho các thành viên Hội

đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

r. Quyết định các giao dịch mua tài sản hoặc dự án đầu tư có giá trị lớn hơn hoặc bằng 30% và bán tài sản có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán tại quý gần nhất.

s. Quyết định việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành.

3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn tối đa 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, đặc biệt trong trường hợp sau khi kiểm toán, Tổ chức kiểm toán độc lập thông báo cần triệu tập Đại hội đồng cổ đông để thảo luận báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của Công ty.

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo hàng quý hoặc hàng tháng cho thấy Công ty đã bị thiệt hại một nửa số vốn điều lệ.

c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu được quy định tại Điều lệ này.

d. Nhận được yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; nhận được yêu cầu của Ban Kiểm soát hoặc số thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày một trong những hiện tượng nêu trong Mục a, b, hoặc c Khoản 2 Điều này xảy ra hoặc từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Mục d Khoản 2 trên đây.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều này, thì Ban Kiểm soát phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát cũng không triệu tập Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cần thiết hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Những chi phí này không bao gồm các chi phí mà cổ đông phải chịu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả chi phí ăn ở và đi lại.

4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập Danh sách Cổ đông có quyền tham

dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách đó; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi Thông báo triệu tập họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17: Thể thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng thư, e-mail hoặc fax cho các cổ đông theo địa chỉ đăng ký của họ chậm nhất là 7 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo triệu tập phải nêu rõ thời gian, địa điểm họp, kèm theo chương trình họp Đại hội đồng cổ đông và các thông tin đầy đủ về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

2. Việc đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, phải được gửi đến Hội đồng quản trị trước ít nhất 3 ngày, kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên và chữ ký của các cổ đông; số lượng, loại cổ phần mà họ nắm giữ và nội dung các vấn đề đề xuất đưa vào chương trình họp. Khi nhận được đề xuất, Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải xem xét để đưa những nội dung đó vào chương trình họp.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 2 của Điều này nếu:

- a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất từ 10% số cổ phần phổ thông, trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.
- c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
- d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Hội đồng Quản trị, hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp không do Hội đồng Quản trị triệu tập, phải dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.

5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đã được gửi kèm theo Thông báo triệu tập họp.

Điều 18: Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa. Nếu vắng Phó chủ tịch HĐQT thì bất kỳ người nào khác do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ tọa. Trường hợp Đại hội

đồng cổ đông không do Hội đồng Quản trị triệu tập thì người triệu tập có quyền chủ tọa cuộc họp.

2. Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự, lập danh sách các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ghi rõ số cổ phần sở hữu, số cổ phần đại diện và số cổ phần có quyền biểu quyết. Việc đăng ký phải được tiến hành tiếp tục cho đến khi bảo đảm đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Văn bản ủy quyền cho đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 2 ngày làm việc, trước ngày dự định khai mạc cuộc họp.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Thư ký và Ban Giám sát bầu cử.

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất chỉ được tiến hành hợp lệ khi số cổ đông và các đại diện được ủy quyền có mặt chiếm ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không đủ số lượng cổ đông và các đại diện được ủy quyền cần thiết như trên trong vòng 30 phút, kể từ thời điểm dự định khai mạc, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là không đủ điều kiện tiến hành và phải được triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành hợp lệ khi số cổ đông và đại diện được ủy quyền có mặt chiếm ít nhất số 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút, kể từ thời điểm dự định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại lần thứ ba trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần ba này được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp. Tất cả những cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 19: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Biên bản cuộc họp

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng

hình thức biểu quyết công khai hay bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có ít nhất 51% tổng số phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp chấp thuận.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán; việc tổ chức lại, giải thể Công ty; mua và bán tài sản; dự án đầu tư được quy định tại Mục r Khoản 2 Điều 15 được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp chấp thuận.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phần có quyền biểu quyết chấp thuận; tỷ lệ tùy thuộc vào nội dung vấn đề cần thông qua nghị quyết tương ứng theo Khoản 2 và 3 nêu trên và theo các thủ tục quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Người có trách nhiệm triệu tập cuộc họp có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Quyết định các vấn đề để xem xét, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ này và pháp luật;

b. Gửi các tài liệu liên quan đến việc lấy ý kiến, trong đó quy định thời hạn phải gửi ý kiến lại cho Công ty, cùng với tất cả các văn bản cần thiết khác để các cổ đông và đại diện được ủy quyền có thể ra quyết định của mình;

c. Kiểm phiếu kết quả lấy ý kiến và thông báo kết quả đó trong vòng 07 ngày kể từ ngày hết hạn nhận lại ý kiến;

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản như Khoản 4 và Khoản 5 Điều này, có giá trị ngang với nghị quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hoặc cổ đông bất đồng ý kiến.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông và đại diện sở hữu có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

9. Người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản họp và gửi cho các cổ đông trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi phiên họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này là những bằng chứng cuối cùng về công việc được tiến

hành tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký, có những nội dung chủ yếu quy định tại Điều 106 Luật Doanh nghiệp năm 2005. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20: Hội đồng Quản trị

1. Số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín (Bầu dồn phiếu). Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị là năm năm; Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp Hội đồng Quản trị khuyết 2 thành viên, thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung trong vòng 20 ngày.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải là người có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc cổ đông khác có trình độ chuyên môn kinh nghiệm quản lý kinh doanh hoặc quản lý ngành nghề chủ yếu của Công ty.

c. Không được là thành viên Hội đồng Quản trị của quá một tổ chức kinh tế khác;

4. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên HĐQT tại Khoản 3 Điều 20;

b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức;

d. Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác do họ đã chi liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 21: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng Quản trị;

c. Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;

d. Tổ chức việc thông qua, quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định của Hội đồng Quản trị;

đ. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT; nếu vắng mặt Phó Chủ tịch HĐQT thì ủy quyền cho một thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

Điều 22: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - d. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành;
 - e. Quyết định các giao dịch mua tài sản hoặc dự án đầu tư có giá trị (hơn 30% và bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán tại quý gần nhất;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc cổ phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - i. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ của Công ty;
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng

quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 23: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 1 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 1 lần.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải

có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

10.1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ tên, các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp;
Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

10.2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10.3. Biên bản lập thành tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 24: Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm ba thành viên do đại hội đồng Cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo hình thức bỏ phiếu kín (bầu dồn phiếu), trong đó có một thành viên phải am hiểu nghiệp vụ tài chính kế toán.

Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là năm năm, thành viên của ban kiểm soát có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên Ban Kiểm soát phải bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật này;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm và bãi nhiệm trong các trường hợp như thành viên Hội đồng Quản trị, được quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

5. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát khuyết 2 thành viên, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 20 ngày để bầu bổ sung.

Điều 25: Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được

giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Trích dẫn theo Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005 Điều 124, 125, 126.

GIÁM ĐỐC

Điều 26: Bổ nhiệm, cách chức Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

2. Giám đốc điều hành việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc được áp dụng theo quy định tại điều 57 của Luật Doanh nghiệp.

3. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

e. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị;

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng kinh tế khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán quý gần nhất của Công ty.

6. Được quyết định những biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, phải báo cáo ngay cho Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm về các quyết định này.

7. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị.

8. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 27: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và nhân viên quản lý khác, thực hiện mọi quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực với tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và nhân viên quản lý khác không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; không được sử dụng địa vị, quyền hạn hay các thông tin có được nhờ chức vụ của mình, cũng như không được sử dụng tài sản của Công ty, nhằm mục đích thu lợi riêng cho bản thân, cho những người có liên quan hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các nhân viên quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ lợi ích tiềm tàng có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty mà họ có thể có ở các pháp nhân kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy xét vấn đề này.

4. Công ty không được cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, nhân viên quản lý, những người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào, mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Các hợp đồng hoặc giao dịch của Công ty với thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết, hoặc những người có liên quan của họ, hoặc bất kỳ công ty, hiệp hội, tổ chức nào khác mà những người nêu trên là thành viên hoặc có lợi ích tài chính liên quan, chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

a. Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết về vấn đề này.

b. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có người có liên quan là

bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, nhân viên quản lý khác vi phạm nghĩa vụ trung thực, hoặc không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Điều 28: Lao động và Công đoàn

Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với lao động của Công ty; cũng như quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn theo các qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào, một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa:

a. Cổ đông và Công ty;

b. Cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay nhân viên quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập, để hành động với tư cách là người chủ trì quá trình giải quyết tranh chấp. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

Các bên tranh chấp sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết.

2. Một tranh chấp về lao động được giải quyết theo Bộ Luật lao động.

CHƯƠNG V

HẠCH TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 30: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào

ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 31: Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ Hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh của Công ty. Những Hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán.
4. Cuối mỗi niên độ kế toán, Hội đồng Quản trị xem xét thông qua Báo cáo Tài chính sau đây:
 - a. Bảng cân đối tài sản.
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - c. Báo cáo luân chuyển tiền tệ.
 - d. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo Tài chính của công ty có thể được kiểm toán bởi một Tổ chức kiểm toán độc lập theo chỉ định của Hội đồng Quản trị.

5. Các Báo cáo Tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác, phải được công bố cho các cổ đông và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các qui định của pháp luật.

Điều 32: Trích lập các quỹ

1. Hàng năm, Công ty phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào Quỹ Dự trữ Tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích chi đến khi Quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
2. Tùy tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của từng năm, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định việc trích lập các quỹ khen thưởng và phát triển sản xuất trước khi chia cổ tức.

Điều 33: Cổ tức

1. Cổ tức được tính theo tỷ lệ phần trăm trên số cổ phần trong giai đoạn chi trả. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi đã trích lập các quỹ.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với pháp luật, Hội đồng quản trị có thể tạm trả cổ tức trước khi hết năm tài chính, nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng lợi nhuận đạt được của công ty.
3. Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định chi trả cổ tức bằng các hình thức khác thay cho việc thanh toán bằng tiền Việt Nam và không trái với pháp luật.

Điều 34: Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định của pháp luật và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền trước khi sử dụng.
2. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 35: Chấm dứt Hoạt động

Công ty có thể bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau đây:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không tiếp tục gia hạn.
- b. Bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36: Thanh lý

1. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày có quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng Thanh lý gồm 5 thành viên để cùng với Ban Kiểm soát thực hiện thanh lý Công ty theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ thời điểm đó, Hội đồng thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 37: Chính thức hoạt động

1. Công ty sẽ chính thức hoạt động khi đã hoàn thành các thủ tục sau đây:
 - a. Điều lệ này của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua.
 - b. Xác nhận danh sách cổ đông.
 - c. Đã bầu được Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
 - d. Hoàn tất các thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

Điều 38: Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 06 Chương 38 Điều, được thông qua một cách hợp lệ và được chấp thuận hiệu lực toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 5 tháng 4 năm 2006, đã được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II, ngày 25 tháng 4 năm 2009.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất 3 thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

4. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị ngang nhau, trong đó:

- + 01 bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.
- + 05 bản đăng ký tại các cơ quan công quyền theo quy định.
- + 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

Nha Trang, ngày 25 tháng 4 năm 2009

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Cảnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

[Handwritten signature]
Huyền Xuân Đam

[Handwritten signature]
Ngô Văn Ích

[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Thúy Nga

[Handwritten signature]
Phạm Nhị

SAO Y BẢN CHÍNH
Số 3 ngày 17 tháng 04 năm 09
TP TC - HC.



[Handwritten signature]
Ngô Quang Trung